

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2021/DS-PT
Ngày: 23-11-2021
“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Những
Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Ông Huỳnh Phạm Khánh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021, về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủ T, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 200/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Cẩm L, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố Rạch Đ, thị trấn Thủ T, huyện Thủ T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Huỳnh Tân K, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: B8 cư xá Vĩnh H, đường Bến Vân Đ, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2019).

- Bị đơn:

1. Ông Trần Văn Tr, sinh năm 1970 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1970 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Long Th, huyện Thủ T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tr và bà T: Bà Trần Thị N, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Long Th, huyện Thủ T, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 04/02/2021)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị B, sinh năm 1972 (có mặt).
2. Ông Võ Văn B, sinh năm 1968 (vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã Bình Hòa N, huyện Đức H, tỉnh Long An.

3. Bà Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1991 (vắng mặt).
4. Ông Ngô T, sinh năm 1983 (có mặt).
5. Cháu Ngô Quốc B, sinh năm 2009 (vắng mặt).
6. Cháu Ngô Nhật Q, sinh năm 2012 (vắng mặt).
7. Cháu Ngô Ngọc G, sinh năm 2018 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã Long Th, huyện Thủ T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Bảo, cháu Quý, cháu Giàu: Bà Trần Thị Ngọc B và ông Ngô T.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô T, bà Trần Thị Ngọc B: Bà Trần Thị N, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp 1, xã Long Th, huyện Thủ T, tỉnh Long An (có mặt), (Văn bản ủy quyền ngày 04/02/2021).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2020, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Dương Thị Cẩm L do ông Huỳnh Tấn K là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ngày 14/6/2019, bà L có chuyển nhượng từ bà B và ông B thửa đất 73, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp 1, xã Long Th, huyện Thủ T, tỉnh Long An với giá 320.000.000 đồng. Sau khi lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Thủ Thừa thì bà L đã thanh toán đầy đủ tiền chuyển nhượng. Sau khi nhận tiền đủ phía bà B đã giao đất còn trống cho bà L. Ngày 12/7/2019, bà L được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 73. Khoảng cuối tháng 7/2019, bà T và ông Tr đã tiến hành xây nhà tạm cột xi măng, nền xi măng, lợp tôn và mái hiên như hiện trạng hiện nay. Khi bà L phát hiện có báo Ủy ban nhân dân xã Long Th giải quyết lập biên bản và yêu cầu bà T, ông Tr đình chỉ thi công nhưng bà T và ông Tr tiến hành xây dựng vào ban đêm để trốn tránh chính quyền địa phương. Ủy ban xã có tiến hành lập biên bản hòa giải giữa hai bên nhưng không thành. Theo đơn khởi kiện bà L yêu cầu ông Tr, bà T phải tháo dỡ và di dời toàn bộ công trình vật kiến trúc để

trả lại toàn bộ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp 1, xã Long Th, huyện Thủ T, tỉnh Long An cho bà L.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà T, ông Tr phải tháo dỡ và di dời toàn bộ công trình vật kiến trúc và trả lại diện tích 148m² thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp 1, xã Long Th, huyện Thủ T, tỉnh Long An tại khu A theo mảnh trích đo do công ty TNHH đo đạc nhà đất Thủ Thừa lập và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ T duyệt. Bà L không đồng ý hỗ trợ chi phí di dời và bồi thường chi phí xây dựng vì khi bà B giao đất là đất trống không có nhà, bà T tự xây dựng nên tự tháo dỡ. Đối với hợp đồng chuyển nhượng giữa bà L và bà B thì bà L không tranh chấp trong vụ án này. Ngoài ra, không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị Ngọc T có yêu cầu phản tố do bà Trần Thị N đại diện trình bày:

Tháng 9/2005, bà Bùi Thị Hai là mẹ của ông Tr có tặng cho bà Trần Thị B thửa đất số 05 và 73, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp 1, xã Long Th, huyện Thủ T, tỉnh Long An. Năm 2007, Ủy ban nhân dân huyện Thủ T ban hành Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 20/3/2007 về việc thu hồi diện tích 499m² đất ở tại nông thôn thuộc một phần của thửa đất số 73 để xây dựng cầu Trà Cú. Năm 2009, Ủy ban nhân dân huyện Thủ T tiếp tục ban hành Quyết định số 2445/QĐ-UBND ngày 28/5/2009 về việc thu hồi 795m² đất ở tại nông thôn đất thuộc một phần của thửa đất số 73 để nạo vét Kênh Trà Cú. Sau khi thu hồi diện tích thửa đất 73 còn lại là 276m². Đến tháng 7/2018, bà B đến Ủy ban xã Long Th có mặt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 73 đồng thời điều chỉnh lại diện tích đất từ 276m² thành 408,8m². Gia đình bà T không biết việc tặng cho diện tích đất thửa 73 là do có toàn bộ phần diện tích nhà bà đang sinh sống từ năm 1997 mà gia đình bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2019, vợ chồng bà T, ông Tr có dỡ nhà cũ để bà B bán đất cho bà L. Về căn nhà hiện nay là do bà T và ông Tr bỏ chi phí ra xây dựng. Khi xây dựng thì Ủy ban có tới đình chỉ thi công nhưng gia đình bà T vẫn xây dựng do không có nhà ở.

Nay theo yêu cầu của bà L thì ông Tr, bà T không đồng ý. Đồng thời, yêu cầu Tòa án xác định toàn bộ công trình kiến trúc và phần đất có diện tích 148m² thuộc khu A theo mảnh trích đo do công ty TNHH đo đạc nhà đất Thủ Thừa lập thuộc quyền sử dụng đất của ông Tr và bà T. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L thì ông bà tự nguyện tháo dỡ công trình vật kiến trúc trên đất và không yêu cầu hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời và bồi thường. Ngoài ra, ông Tr, bà T không có yêu cầu hay ý kiến nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B trình bày:

Bà và ông B là vợ chồng hợp pháp. Thửa đất 73 là do mẹ bà là bà Bùi Thị Hai tặng cho bà. Khoảng năm 2000, bà B xây dựng căn nhà tạm mái tôn, cột sạn, nền đất cùng sinh sống với mẹ. Năm 2006, bà T, ông Tr bế nọ nên về ở chung tại căn nhà này cùng bà. Năm 2019, bà có yêu cầu gia đình ông Tr phải tháo dỡ căn

nhà tạm của bà để bà chuyển nhượng đất cho bà L. Bà có nói cho ông Tr 30.000.000 đồng để ông Tr xây dựng căn nhà khác để sinh sống. Tuy nhiên, sau khi tháo dỡ nhà và bàn giao đất cho bà L xong thì gia đình ông Tr tiến hành xây dựng nhà như hiện nay. Do đó bà mới không cho 30.000.000 đồng như đã nói. Hiện nay bà B đã chuyển nhượng thửa đất 73 cho bà L. Bà đã nhận tiền và bàn giao đất trống cho bà L. Nay theo yêu cầu của bà L thì bà thống nhất và không có yêu cầu gì trong vụ án này. Ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc B, ông Ngô T, cháu Ngô Quốc B, cháu Ngô Nhật Q, cháu Ngô Ngọc G do bà Trần Thị N đại diện trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Tr và bà T.

Tranh chấp đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm của Tòa án nhân dân huyện Thủ T đã căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 158 Bộ luật dân sự; Điều 166 Luật đất đai, Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Cẩm L đối với ông Trần Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ngọc T về tranh chấp “quyền sử dụng đất”.

Buộc ông Trần Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ngọc T phải tháo dỡ toàn bộ công trình vật kiến trúc và trả lại diện tích 148m² là một phần thửa đất 73, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp 1, xã Long Th, huyện Thủ T, tỉnh Long An thuộc khu A theo mảnh trích đo do công ty TNHH đo đạc nhà đất Thủ Thừa lập ngày 26/8/2020 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ T duyệt cho bà Dương Thị Cẩm L. Vị trí đất có tứ cận như sau:

Đông giáp thửa 70 dài 2,4m; 17m

Tây giáp bờ kênh Trà Cú dài 6,1m; 1,7m; 6,1m

Nam giáp thửa số 73 (PCL) dài 12m

Bắc giáp đường tỉnh 817 dài 11,3m.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Trần Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ngọc T đối với bà Dương Thị Cẩm L về yêu cầu xác định toàn bộ công trình kiến trúc và phần đất có diện tích 148m² thuộc khu A theo mảnh trích đo do công ty TNHH đo đạc nhà đất Thủ Thừa lập ngày 26/8/2020 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ T duyệt thuộc quyền sử dụng của ông Trần Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ngọc T.

3. Về chi phí thẩm định đo đạc định giá: Buộc ông Trần Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ngọc T hoàn trả cho bà Dương Thị Cẩm L số tiền 13.600.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ngọc T được miễn toàn bộ án phí. Hoàn trả cho bà Dương Thị Cẩm L 14.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007135 ngày 27/5/2020 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007132 ngày 27/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ T.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Ngày 31/5/2021, bị đơn ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị Ngọc T kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, không đồng ý tháo dỡ toàn bộ công trình vật kiến trúc và trả diện tích 148m² cho bà L và hoàn trả cho bà L chi phí thẩm định, đo đạc, định giá với số tiền 13.600.000 đồng. Ông Tr, bà T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định toàn bộ công trình kiến trúc và phần đất khu A diện tích 148m² thuộc quyền sử dụng đất của ông Tr, bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các đương sự thỏa thuận được với nhau toàn bộ nội dung vụ án. Các đương sự thống nhất như sau:

Ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị Ngọc T và các con, cháu đang sống trên đất gồm Trần Thị Ngọc B, Ngô T, Ngô Quốc B, Ngô Nhựt Q, Ngô Ngọc G có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời toàn bộ nhà, cây trồng, vật kiến trúc có trên đất để trả cho bà Dương Thị Cẩm L phần đất diện tích 148m² là một phần thửa đất 73, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp 1, xã Long Th, huyện Thủ T, tỉnh Long An thuộc khu A theo mảnh trích đo do công ty TNHH đo đạc nhà đất Thủ Thừa lập ngày 26/8/2020 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ T duyệt ngày 07/9/2020.

Bà Dương Thị Cẩm L hỗ trợ cho ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị Ngọc T chi phí di dời với số tiền là 20.000.000 đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định, đo đạc, định giá với số tiền 13.600.000 đồng: Bà Dương Thị Cẩm L tự nguyện chịu toàn bộ.

Về án phí các đương sự đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau toàn bộ nội dung vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện phù hợp quy định quy định của pháp luật. Đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị Ngọc T thực hiện đúng hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn B vắng mặt, ông B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đương sự vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về phạm vi kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị Ngọc T kháng cáo không đồng ý tháo dỡ toàn bộ công trình vật kiến trúc và trả diện tích 148m² cho bà L; không đồng ý hoàn trả cho bà L chi phí thẩm định, đo đạc, định giá với số tiền 13.600.000 đồng. Ông Tr, bà T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định toàn bộ công trình kiến trúc và phần đất khu A diện tích 148m² thuộc quyền sử dụng đất của ông Tr, bà T. Viện kiểm sát không kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử trong phạm vi liên quan đến yêu cầu kháng cáo của đương sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị Ngọc T, thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị Ngọc T và những người đang sống trên đất gồm Trần Thị Ngọc B, Ngô T, Ngô Quốc B, Ngô Nhựt Q, Ngô Ngọc G có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời toàn bộ nhà, cây trồng, vật kiến trúc có trên đất để trả cho bà Dương Thị Cẩm L phần đất diện tích 148m² thuộc một phần thửa đất 73, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp 1, xã Long Th, huyện Thủ T, tỉnh Long An tại vị trí khu A theo mảnh trích đo do công ty TNHH đo đạc nhà đất Thủ Thừa lập ngày 26/8/2020 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ T duyệt ngày 07/9/2020.

Bà Dương Thị Cẩm L hỗ trợ cho ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị Ngọc T chi phí di dời tài sản với số tiền là 20.000.000 đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định, đo đạc, định giá với số tiền 13.600.000 đồng: Bà Dương Thị Cẩm L tự nguyện chịu toàn bộ (đã nộp và chi phí xong).

Xét thấy, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Phát biểu của kiểm sát viên là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Dương Thị Cẩm L là người cao tuổi, ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị Ngọc T thuộc diện hộ cận nghèo có yêu cầu miễn án phí thuộc trường hợp quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được miễn nộp tiền án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà L. Ông Tr, bà T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên không phải hoàn tiền tạm ứng án phí cho ông Tr, bà L.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 266, 271, 273, 300, 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 158 của Bộ luật dân sự; Điều 166 Luật đất đai; Điều 12, 14, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủ T, tỉnh Long An.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Cẩm L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Trần Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể như sau:

1.1. Ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị Ngọc T và những người đang sống trên đất gồm Trần Thị Ngọc B, Ngô T, Ngô Quốc B, Ngô Nhật Q, Ngô Ngọc G có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời toàn bộ nhà, cây trồng, vật kiến trúc có trên đất để trả cho bà Dương Thị Cẩm L phần đất diện tích 148m² thuộc một phần thửa đất 73, tờ bản đồ số 14, loại đất ONT, tọa lạc tại ấp 1, xã Long Th, huyện Thủ T, tỉnh Long An được thể hiện tại khu A theo mảnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Thủ Thừa lập ngày 26/8/2020 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ T duyệt ngày 07/9/2020.

(Vị trí, tứ cận khu đất, diện tích, loại đất nêu trên được xác định theo mảnh trích đo do công ty TNHH đo đạc nhà đất Thủ Thừa lập ngày 26/8/2020 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thủ T duyệt ngày 07/9/2020 - được đính kèm theo bản án).

Các đương sự không được ngăn cản các bên thực hiện quyền của người được xác lập quyền sử dụng đất theo bản án, quyết định của Tòa án. Trường hợp các bên vi phạm việc sử dụng đất đã được xác định theo bản án, quyết định của Tòa án thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án ra quyết định cưỡng chế thi hành án.

1.2. Bà Dương Thị Cẩm L có nghĩa vụ thanh toán tiền hỗ trợ chi phí di dời tài sản cho ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị Ngọc T với số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí xem xét thẩm định, đo đạc, định giá với số tiền 13.600.000 đồng (mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng): Bà Dương Thị Cẩm L tự nguyện chịu toàn bộ (đã nộp và chi phí xong).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự được miễn án phí.

Hoàn trả cho bà Dương Thị Cẩm L 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007135 ngày 27/5/2020 và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007132 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ T.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ngọc T được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án và hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về hiệu lực của bản án: Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ T;
- Chi cục THADS huyện Thủ T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Vân